



Time spent in Re-Education Camp: From June 14, 1975 To Jan 4, 1985
(9 years , 6 months , 21 days)

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 221608

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.#

I-171: Yes,

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

LÊ

Last

VINH

Middle

KIEN

First

Current Address 97 NGUYỄN THANH TUYỀN, TÂN BÌNH, HOCHIMINH CITY

Date of Birth Jan 2, 1935 Place of Birth PHU XUAN, THUA THIEN, VN

Previous Occupation (before 1975) SENATOR OF CONGRESS, LIEUTENANT
(Rank & Position) Vice-president of the Education, Culture and Youth Committee of the Senate

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 14, 1975 To Jan 4, 1985

3. SPONSOR'S NAME:

KINH - CHI - LÊ

Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

KINH CHI LÊ

Brother

BOU AN DUNG

Cousin

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AGR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VINH KIEN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGO THI MINH THU	Sep 1, 1937	wife
2. LE THI MINH THUY	March 1, 1963	daughter
3. LE THI MINH HANG	June 29, 1964	daughter
4. LE THI MINH TUYEN	Sep 10, 1966	daughter
5. LE VINH THANH	Nov 11, 1967	son
6. LE VAN PHONG	Nov 19, 1961	nephew (that I adopted as my child)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ VINH KIÊN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : JANUARY 2 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): yes
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 97 NGUYEN THANH TUYEN P2 TANBINH
(Dia chi tai Viet-Nam) HOCHIMINH CITY

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): June 14, 1975 To (Den): Jan 4, 1985

PLACE OF RE-EDUCATION: NAM HA CAMP (NORTH VN)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): PROFESSOR

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): LIEUTENANT (SERIAL NUMBER: 55/200983)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): SENATOR OF CONGRESS
Vice-president of the Education, Culture and Youth Committee of the Senate Date (nam): 1973 - 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don pho ODP): Yes (Co): yes
IV Number (So ho so): 221608
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 97 NGUYEN THANH TUYEN
P2 TANBINH HOCHIMINH CITY

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
LE CHI KINH

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): No

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Brother

NAME & SIGNATURE: LE VINH KIEN 97 NGUYEN THANH TUYEN P2
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) TANBINH
HOCHIMINH CITY

DATE: November 17 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Signature of the PA:

(Lê Vĩnh Kiên)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VINH KIẾN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGO THI MINH THU	Sep 1, 1937	WIFE
2. LE THI MINH THUY	March 1, 1963	DAUGHTER
3. LE THI MINH HANG	June 29, 1964	DAUGHTER
4. LE THI MINH TUYEN	Sep 10, 1966	DAUGHTER
5. LE VINH THANH	Nov 11, 1967	SON
6. LE VAN PHONG	Nov 19, 1961	nephew (that I adopted as my child)

DEPENDENT'S ADDRESS ... different from above:

NONE

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ VINH KIEN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : JANUARY 2 1935
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): yes
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 97 NGUYEN THANH TUYEN P2, TAN BINH
 (Dia chi tai Viet-Nam) HOCHIMINH CITY

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): June 14, 1975 To (Den): Jan 5, 1985

PLACE OF RE-EDUCATION: NAM-HA CAMP (NORTH VN)
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): PROFESSOR

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): LIEUTENANT (SERIAL NUMBER: 55/200982)

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): SENATOR OF CONGRESS

Vice-president of the Education, Culture and Youth Committee of the Senate Date (nam): 1973-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): yes

IV Number (So ho so): 221608

No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): NX (6)
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 97 NGUYEN THANH TUYEN
P2 TAN BINH HOCHIMINH CITY

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
LECHIKINH

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): no

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Brother

NAME & SIGNATURE: LE VINH KIEN 97 NGUYEN THANH TUYEN P2

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) TAN BINH

HOCHIMINH CITY

DATE: November 17 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Signature of the P.A.

(Le Vinh Kien)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VINH KIEN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGO THI MINH THU	Sep 1, 1937	WIFE
2. LE THI MINH THUY	March 1, 1963	DAUGHTER
3. LE THI MINH HANG	June 29, 1964	DAUGHTER
4. LE THI MINH TUYEN	Sep 10, 1966	DAUGHTER
5. LE VINH THANH	Nov 11, 1967	SON
6. LE VAN PHONG	Nov 19, 1967	nephew (that adopted as my child)

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above):

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Time spent in Re-Education camp: From June 14, 1975 to Jan 4, 1985
(9 years, 6 months, 21 days)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 221608

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.#

I-171: Yes, No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LÊ VINH KIÊN
Last Middle First

Current Address 97 NGUYỄN THANH TUYỀN, TÂN BÌNH, HỒ CHÍ MINH CITY

Date of Birth Jan 2, 1935 Place of Birth PHÚ XUÂN, THỪA THIÊN

Previous Occupation (before 1975) SENATOR OF CONGRESS, LIEUTENANT
(Rank & Position) Vice-president of the Education, Culture and Youth Committee of the Senate.

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 14, 1975 To Jan 5, 1985

3. SPONSOR'S NAME: KINH-CHI-LÊ
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

KINH-CHI-LÊ

Brother

BÁO DƯƠNG

Cousin

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VINH KIẾN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGÔ THỊ MINH THU	Sep. 1, 1937	wife
2. LÊ THỊ MINH THÚY	March 1, 1963	daughter
3. LÊ THỊ MINH HẰNG	June 29, 1964	daughter
4. LÊ THỊ MINH TUYẾN	Sep. 10, 1966	daughter
5. LÊ VINH THANH	Nov. 11, 1967	son
6. LÊ VĂN PHONG	Nov 19, 1961	nephew (that I adopted as my child)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

NONE

ADDITIONAL INFORMATION :

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 022614170

Họ tên Lê Văn Kien

Tên thường gọi

Nơi thường trú qđ xã th huyện

Đã

Số 3448/HS uH2
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 2

Ngày 05 tháng 11 năm 1988

UBND PHƯỜNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Hòa

Dấu vết riêng hoặc di hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
lại:

Hẹn đến ngày 12/11/88 trả giấy CMND

Ngày 12/11/88
(Ghi rõ họ, tên người ký)

Ngón trỏ trái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020299792**

Họ tên **NGÔ THỊ MINH THU**



Sinh ngày **01-09-1937**

Nguyên quán **Thịnh Xá,**

Hương Sơn, Nghệ Tĩnh.

Nơi thường trú **97 Mai Ngọc-**

Khuê, T.Bình, TP. Hồ Chí Minh



Số **3444/BH** *chữ*

CHỨNG NHÂN GIỚI Y RẪN CHÍNH

Xuất lệnh tại UBND Phường 2

Ngày **05** tháng **11** năm **198**

UBND PHƯỜNG
HỒ CHỮ TỊCH
[Signature]

Võ Xuân Hòa

Dân tộc: Kinh .. Tôn giáo: Phật Giáo ..

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 3,5cm
dưới sau đầu mắt
phải

Ngày 18 tháng 09 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thành

Trần Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020900374**

Họ tên **LÊ THỊ MINH THÚY**

Sinh ngày **01-3-1963**

Nguyên quán **Hương Trà,**

Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú **97 Mai Ngọc Khuê,**

TP. Hồ Chí Minh.



Số: **3446185412**

CHỨNG NHÂN GIỚI TẠO CHÍNH

Xuất trình tại **13/10 Phường 2**

Ngày **05** tháng **11** năm **1988**

ĐƠN THƯỜNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Xuân Hòa

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo cong 2,2cm cách 3cm
trên sau đầu mày trái.

Ngày 19 tháng 01 năm 1979

TƯ LỆNH GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TỈNH T. T. B. B. B.

[Signature]
Trưởng Tấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020900375**

Họ tên **LÊ THỊ MINH HÀNG**



Sinh ngày **29-5-1964**

Nguyên quán **Hương Trà,**

Bình Trị Thiên,

Nơi thường trú **97 Mai Ngọc Khuê**

TP. Hồ Chí Minh.

Số: **34481 B31412**

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BAN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 2

Ngày **25** tháng **11** năm **1988**

UBND PHƯỜNG

HỒ CHỦ TỊCH

[Signature]

Võ Xuân Hòa

Dân tộc: Kinh .. Tôn giáo : .. r hật



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH.

Nốt ruồi nổi cách 0,6cm
trước đuôi mày phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 19 tháng 01 năm 1979

TƯ LỆ/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHỐ TRƯỞNG CÔNG AN Q. T. BÌNH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **07A.702988**

Họ tên: **LÊ THỊ MINH TUYỀN**



Sinh ngày: **10-9-1966**

Nguyên quán: **Bình trị thiên**

Nơi thường trú: **97 Mai ngọc Khuê
P.2, T. Bình, tp. Hồ Chí Minh**

Số: **3449/ H, NH 2**

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 2

Quận **S. Hong** M năm 198 **8**

UBND PHƯỜNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Hòa

Dân tộc: **kinh** ... Tôn giáo: **phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,5cm cách
0,5cm dưới đầu mày
nhai.

Ngày 7 tháng 5 năm 1981

TỈNH GIÁM ĐỐC QUỐC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG PHONG CS1

Ngô Văn Bân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 02170347

Họ tên: **LÊ VINH THANH**

Sinh ngày: 11-11-1967

Nguyên quán: Bình Trị Thiên

Nơi thường trú: 97 Mai-N-Khuê
F2, TB, TP. Hồ Chí Minh.



Số: 3447/Bs/ut/82

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 2

Ngày 03 tháng 11 năm 1982

UBND. PHƯỜNG

PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Hòa



Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **phật**



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

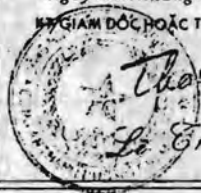
Sẹo chàm đuôi mảy
trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày **3** tháng **11** năm **1982**

KIỂM GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thống
Lê Thanh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020900390**

Họ tên **LÊ VĂN PHONG**



Sinh ngày **19-11-1961**

Nguyên quán **Quo.**

Bình Trị Thôn.

Nơi thường trú **7 Mai-Ngọc-**

Thua, T.F. Hồ Chí Minh.

50-32681 B/4th2
CHỨNG NHẬN CÔNG Y ĐẤT CHÍNH

Kuất khẩu... ngày 2

Ngày 22 tháng 10 năm 1982



VIỆN THƯ KÝ

Nguyễn Văn Lợi

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Khôn.

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Đeo tròn 0,3cm c,
1,2cm dưới sau dưới
mắt phải.

Ngay 19 tháng 4 năm 1979

Lưu ý: GIÁM ĐỐC CÔNG TRƯỜNG TỶ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN TÂN BÌNH



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

VIỆT-NAM ĐỒNG-HÒA
THE CAN-LOC

Số 02292004



Họ Tên LÊ-VĨNH-KIẾN

Ngày sinh 02-1-1935

Phú-Xuân, Hg. Trà, T. Thiên

Quê Lê-Lâu

M Trần-Thị-Hiên

Đã đi 12, Nguyễn-Biểu, Huế

Chức vụ

Nốt ruồi cách 0ph5
sau khoe ngoài mắt
phải.

Cao 1 th 62

Nhóm 50 Kz

Huế, ngày 24-9-1969
Trưởng-Ty CSQG T. Thiên

LIÊN - THÀNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THƯỢNG-NGHỊ-VIÊN

Số: 2460TV/KT/LB.

CHỨNG-THƯ HÀNH-CHÁNH
-+-

Hội-Kế-Viên Thanh-Toán-Viên Ngân-Sách Thượng
Nghị-Viên chứng nhận :

Ông LÊ-VĨNH-KIẾN, Nghị-Sĩ Thượng Nghị-Viên
kể từ ngày 1.10.1973, không có hưởng phụ cấp gia đình
về phần vợ và con.

Chứng-Thu Hành-Chánh này được thiết lập theo
lời yêu cầu của Ông Nghị-Sĩ LÊ-VĨNH-KIẾN để bổ túc hồ-
sơ xin hưởng phụ cấp con của phối-ngẫu là Bà NGÔ-THỊ
MINH-THU.

Saigon, ngày 3 tháng 5 năm 1974




N.S. NGUYỄN-VĂN-NHUỆ

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban

Trại Nam Hà

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

hành theo công văn số

Số 441 GRT

2585 ngày 21 tháng 11

năm 1972

000876 21412

GIẤY RA TRẠI

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỄN
Số <u>455</u> PC13
Ngày <u>15</u> tháng <u>01</u> năm <u>1984</u>
THỦ LƯU CÁN BỘ VÀ TUYÊN

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 63 ngày 13 tháng 12 năm 84
của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Vĩnh Kiêm Sinh năm 19 35

Các tên gọi khác

Nơi sinh Thừa thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

97 Mai ngọc Khuê Tân bình TP Hồ chí Minh

Can tội Nghị sĩ thường nghị viện của trung úy

Bị bắt ngày 14/6/75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Đã bị tăng án..... lần, cộng thành..... năm..... tháng.....

Đã được giảm án..... lần, cộng thành..... năm..... tháng.....

Nay về cư trú tại 97 Mai ngọc Khuê Tân Bình TP Hồ chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tù tưởng chưa thấy có biểu hiện gì xấu. Lao động thả gia
đều, đảm bảo ngày công mức khoán. Học tập, chấp hành mọi quy
chức chưa thấy có sai phạm gì lớn. Được xếp loại cải tạo khá.

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã: CA Thành phố Hồ chí Minh

Trước ngày..... tháng 1 năm 19 85

Lưu tay nguyên trở phải
Của Lê Vĩnh Kiêm
Danh bản số 1479
Lập tại Quảng An

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lê Vĩnh Kiêm

Ngày CA tháng 1 năm 198 5

Đại úy Trần Bình

ST 3445/ Bbubh-2a

CHỨNG NHẬN TÌNH HÌNH CÔNG AN

Xuất bản tại 1320 Phường 2

Ngày 2 tháng 1 năm 1988

UBND PHƯỜNG

CHỦ TỊCH



Chữ ký
Đã có tên trên danh
Tại cơ quan

T.P. HỒ CHÍ MINH, ngày 11 tháng 1 năm 1988

T/M. CÔNG AN PHƯỜNG 2

PHÓ CÔNG AN



Vũ Xuân Hòa

Nguyễn Văn Hùng

HÔN-THỦ BẬC

Số hiệu

(1) 7

SAT-THAT:

Can-cu theo loi khai của hai đôi bạn Đồng-thuân kết-hôn và không có hôn kê gì liên do có 2 nhân-chung du-tri trước mặt tôi tại Vạn-Phong Tru-So.

Uy-viên Hô-Tích
Phuong Thai-Trach

nguyễn



(1) Lễ chưa đề
lược biên án tòa
cải giấy hôn thú lại.

Người chồng :
(Tên, họ)

LÊ - VINH - KIÊN

Nghề nghiệp :

Giao-su

Sinh tại :

Phu-Xuân, Hương-Tra Thua-thiên

Sinh ngày : Mồng hai tháng giêng, năm một ngàn
chín trăm ba mươi lăm (2 - I - 1935)

Cư trú tại

Phu-Xuân, Hương-Tra Thua-thiên

Cha chồng

(Tên, họ sống, chết phải nói)

LÊ-LÂU (sống)

Mấy tuổi

50 tuổi

Nghề nghiệp

Gia-viên

Cư trú tại

Phu-Xuân, Hương-Tra Thua-thiên

Mẹ chồng

(Tên, họ sống, chết phải nói)

TRÂN - THI - HIÊN

Mấy tuổi :

49 tuổi

Nghề nghiệp

Nội-tro

Cư trú tại

Phu-Xuân, Hương-Tra Thua-thiên

Chủ hôn bên trai :

(Tên, họ)

NGUYỄN-VAN-CÂN

Mấy tuổi :

65 tuổi

Nghề nghiệp :

Y-ta nuu-tri

Cư trú tại :

Kim-Long, Hương-Tra Thua-thiên

Người vợ :

(Tên, họ)

NGO-THI-MINH-THU

Vợ (chánh hay vợ thứ) :

Vo-Chann

Nghề nghiệp :

Nu-sinh

Sinh tại :

Vy-da Thua-thiên

Sinh ngày : Mồng một tháng chín, năm một ngàn
chín trăm ba mươi bảy (I - 9 - 1937)

Cư trú tại :

Phuong Thai-Trach Thanh-nôi Huế.

Cha vợ :

(Tên, họ sống, chết phải nói)

NGO - VAN - LUONG (sống)

Mấy tuổi :

53 tuổi

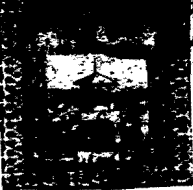
Nghề nghiệp :

Giao-su

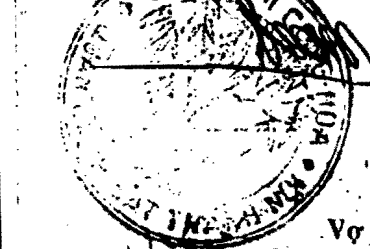
Cư trú tại :

Phuong Thai-Trach Thanh-nôi Huế.

534451 *Huê*
CHỨNG NHẬN SƠNG Y BAN CHÍNH
Khuê Trách tại UBND Phường 2
Ngày 05 tháng 11 năm 1982
UBND. PHƯỜNG



CHUNG-NHAN CHU...
H.D.H.C. PHU...
HUE NGAY...
T.U.N. TINH...
QUAN...
Thái Trach

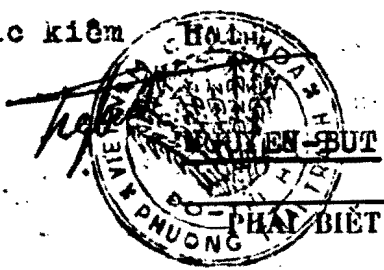


Vợ chồng,
LE-VINH-KIEN
NGO-THI-MINH-THU

Mai-nhon,
BUI-HUU-DUNG

Cha mẹ hai bên,
LE-LAU
TRAN-THI-HIEP
NGO-VAN-LUONG
CONG-TON-NU-DONG-MAI

Chu-Tic kiêm



Chủ hộ,
NGUYEN-VAN-CAN
UNG-OANH

Nhơn-chứng
LE-VAN-LOC
LE-HUU-HIEN

Mợ vợ :	(tên, họ sống chết phải nói) CÔNG-TON-NU-DONG-MAI
Mấy tuổi :	48 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nội-tro
Cư-trú tại :	Phuong Thai-Trach Thanh-nội Huê.
Chủ-hôn bên gái :	(tên họ) UNG - OANH
Mấy tuổi :	63 tuổi
Nghề-nghiệp :	Công-chức hưu-tri
cư-trú tại :	Vy-da Thua-thien
Người làm mai :	(tên, họ) BUI - HUU - DUNG
Mấy tuổi	53 tuổi
Nghề-nghiệp :	Giao-su
Cư-trú tại :	Phuong Phu-nhon Thanh-nội Huê.
Ngày cưới	Mồng một tháng hai, năm một ngàn chín trăm năm mươi chín (I - 2 - 1959)
Ngày khai	Mồng một tháng hai, năm một ngàn chín trăm năm mươi chín (I - 2 - 1959)
Vợ chồng có khai nhận con tư.	
sinh làm con chánh thức	
- không? :	
Họ tên, tuổi, ngày sinh, nơi	
sinh của mỗi con tư sinh	
nhận làm con chánh thức :	
Người chứng thứ nhất :	(tên, họ) LÊ - VAN - LỘC
Mấy tuổi :	63 tuổi
Nghề-nghiệp :	Công-chức hưu-tri
Cư-trú tại :	Phu-Hoa Hue
Người chứng thứ nhì :	(tên, họ) LÊ - HUU - HIEN
Mấy tuổi .	43 tuổi
Nghề-nghiệp :	Công-chức
Cư trú tại :	Thai-Trach Thanh-nội Huê.

Làm tại Thai-Trach, ngày I - 2 - 1989

PHẢI BIẾT. — Chỗ trống không dùng tới thì phải kéo một nét.

ỦY BAN NHÂN DÂN

Phường, Xã 2

Quận, Huyện Tân Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

TẠM THAY THẺ KHAI SINH

Họ tên đưa trẻ

LÊ-VĨNH KIẾN

Trai hay gái

Trai

Ngày tháng năm sinh

02-01-1985

(hai tháng giêng năm một ngàn chín trăm tám mươi lăm)

Nơi sinh

Phước Xuân, Huyện Tân Bình

Thành phần và hoàn cảnh gia đình

gia đình giáo viên

Họ tên tuổi

Lê Lâu

82^t (m 1907)

Quốc tịch người cha

Việt Nam

Nghề nghiệp

giáo viên văn thư

Chỗ ở

Phước Xuân, Huyện Tân Bình, Huyện Tân Bình

Họ tên tuổi

Trần Thị Hiền

Quốc tịch người mẹ

Việt Nam

78^t (m 1910)

Nghề nghiệp

nội trợ

Chỗ ở

Phước Xuân, Huyện Tân Bình, Huyện Tân Bình

Lý do không có khai sinh Sổ: bỏ khai sinh lập dưới thư pháp. Thước đo thiên lượng họ di chuyển không bao lâu lại trở lại trong lúc báo cáo kết quả bị thất lạc do chiến tranh năm 1975.

Xin cam đoan các lời khai nơi bản lý lịch này đúng sự thật tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có khai gian, xin cơ quan chính quyền chứng nhận để tôi tạm sử dụng trong phạm vi pháp luật hiện hành trong khi chờ đợi chủ trương của chính quyền về trường hợp này.

Ngày 9 tháng 11 năm 1982

NGƯỜI XIN KÝ TÊN

(Lê Vĩnh Kiến)

Người chứng thứ nhất:

Họ tên tuổi Bùi Cẩm 68 tuổi

Nghề nghiệp giáo viên hưu trí

Địa chỉ 144 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Bình TP HCM

Quan hệ thế nào người khai anh ruột

Chữ ký

Người chứng thứ hai:

Công tử nữ Hồng Mai 77 tuổi

giáo viên

97 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Bình TP HCM

nhạc mẫu

Chữ ký

Số: 512/ KH/ UPH

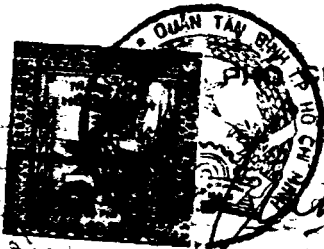
Chứng nhận chữ ký (bản chứng nhận)

là của Ông Nguyễn Văn và bà

Công Thị Nữ (đồng chủ)

hiện thường trú tại phường

UBND. Phường 2, ngày 09 tháng 11 năm 1988



Nguyễn Văn và

Huyện, Phủ
縣, 府
廳, 司

ACTE DE NAISSANCE

GIẤY KHAI SANH

生詞

Số liên

數號

SAO Y BẢN CHÁNH

Thành-Phố HỒ CHÍ MINH Ngày 25/8/1976
T.M. U.B.N. Duy Phường 2



Tên họ đứa con nít 小兒之姓名	Ngô Thị Minh Châu
Nam, nữ 男, 女	Nữ
Sanh tại chỗ nào 生在何處所	Vệ Đa (Phố)
Sanh ngày nào 生何日	Ngày mùng 8 tháng 8 năm một nghìn chín trăm bảy mươi sáu
Tên họ cha (như con sau không là cưới, thời phải kê tên họ mẹ mà thôi, nhưng khi nào cha nhũn dứa con, thời tên họ cha phải kê vào) 小兒父之姓名(凡小兒之父母配合無有婚約者只宜附母之姓名如滿父婚約者小兒則開父之姓名)	Ngô Văn Trường
Cha làm nghề gì 父之職業	Đi học
Nhà cửa ở đâu 家居何所	Phủ Hoàng (Chợ Mới)
Tên họ mẹ 小兒母之姓名	Công Tôn Nữ Bình An
Mẹ làm nghề gì 母之職業	Không có
Nhà cửa ở đâu 家居何所	Vệ Đa
Vợ chánh, hay vợ thứ mấy 正室或側室	Vợ thứ nhất

Lưu ý: Nếu mẹ trực tiếp ăn tên của con khai sinh lại, hoặc d' liên các trước cho khác.

編外留餘空款便狂著案座
改定開生詞或各別註

Tên họ người khai 開人之姓名	Ngoài Văn Trung
Mấy tuổi 年庚	Ba mươi một tuổi
Làm nghề gì 事何職業	Trại học
Nhà cửa ở đâu 家居何所	Phước Tường (Chợ)

1. Nếu có từ trước hiện án tòa
 2. Nếu khai từ lại, hoặc để hiện
 các cực chủ khác,
 補外留餘空款便登著案座
 改定開死詞或各別註

Tại đây vào ngày mồng nhất tháng Thập năm...
 在 日 月 年

Người khai
 開人

Tri-ủ
 知籍

Ký tên: Ngô Văn Trung

Ký tên: Ngô Văn Trung

Khoảng trống để chuan-v các chữ sửa trong tờ khai

留餘空款便著聽依塗改各字

Nhân thiết
 Lý trưởng

Ban chấp hành
 của Ủy ban...
 6 September 1954
 Hương



Vu pour localisation de la si-
 gnature apposée par
 le Ly-Trưởng
 du Village...
 P. le...
 L'Administrateur...



Phải biết — một trong những dụng lợi phải kéo một nơi.
 須知 — 係空款無有寫及宜自置堂畫

KHAI SANH

Tên họ Ấn nhi Lê thị minh Thúy
 Phái: nữ
 Sinh: ngày một tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba
 Ngày, tháng, năm (01/3/1963)
 Tại: Phủ xuân Hương Trà Thừa thiên
 Cha: Lê vĩnh Kiến
 Tên họ Lê
 Tuổi: hai mươi tám
 Nghề: giáo sư
 Cư-trú tại: Phủ xuân Hương Trà Thừa thiên
 Mẹ: Ngô thị minh Thu
 Tên, họ Ngô
 Tuổi: hai mươi lăm
 Nghề: sinh viên
 Cư-trú tại: Phủ xuân Hương Trà Thừa thiên
 Vợ: chánh
 Chính hay thứ Lê vĩnh kiến
 Người khai: Lê vĩnh kiến
 Tên, họ Lê
 Tuổi: hai mươi tám
 Nghề: giáo sư
 Cư-trú tại: Phủ xuân Hương Trà Thừa thiên
 Ngày khai: mười một tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba
 (II/3/1963)
 Người chứng thứ nhất: Lê Lâu
 Tên, họ Lê
 Tuổi: năm mươi bốn
 Nghề: giáo viên
 Cư-trú tại: Phủ xuân Hương Trà Thừa thiên
 Người chứng thứ nhì: Trần thị Hiền
 Tên họ Trần
 Tuổi: năm mươi hai
 Nghề: nội trợ
 Cư-trú tại: Phủ xuân Hương Trà Thừa thiên.

Lập tại xã Hương Longngày II-3- 1963Người khai,
Lê vĩnh Kiến

Họ lai

Phụng trích lục số 55 ngày
II/3/1963.

Nhân chứng

Đại Diện Xã

Lê Lâu
Trần thị HiềnNguyễn Văn Lợi
13/3/63

KT

PhụngVào sổ

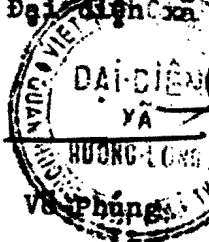
AN. DUONG. FU

Bản tại Cục-T-Hiến và Đình-Bộ-Linh Huệ

KHAI SANH

Tên họ ăn nhl LE-thi-Minh-Hang
 Phái, Nữ
 Sanh : Ngày hai mươi chín tháng sáu năm một ngàn chín trăm
sáu mươi bốn (29-6-1964)
 Tại : Phủ-xuân Hương-Long Hương-Trà Thừa-thiên
 Cha : Lê-vĩnh-Kiến
 Tên họ
 Tuổi : Hai mươi chín (29) tuổi,
 Nghề : Giáo sư
 Cư-trú tại : Phủ-xuân hương-Long Hương-Trà Thừa-thiên,
 Mẹ : ngô-thi-Minh-Thu
 Tên, họ
 Tuổi : Hai mươi bảy (27) tuổi
 Nghề : Sinh viên
 Cư-trú tại : Phủ-xuân Hương-Long Hương-Trà Thừa-thiên,
 Vợ : Chánh
 Chánh hay thế
 Người khai : Lê-vĩnh-Kiến
 Tên, họ
 Tuổi : Hai mươi chín (29) tuổi
 Nghề : Giáo sư,
 Cư trú tại : Phủ-xuân Hương-Long Hương-Trà Thừa-thiên,
 Ngày khai : Bốn tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu
mươi bốn (4 - 7 - 1960)
 Người chứng thứ nhất : Phạm-Tư
 Tên, họ
 Tuổi : sáu mươi (60) tuổi
 Nghề : Làm thuê
 Cư trú tại : An-ninh-hạ Hương-Long-Hương-Trà Thừa-thiên
 Người chứng thứ nhì : Lê-Lầu
 Tên, họ
 Tuổi : năm mươi sáu (56) tuổi
 Nghề : Giáo viên
 Cư trú tại : Phủ-xuân Hương-Long Hương-Trà Thừa-thiên,

chứng nhận chữ ký
 của ông viên chức
 ở lại xã Hương
 Long ngày
 4-7-1964
 Đại diện xã



Lập tại xã Hương-Long ngày 4 - 7 1964

Người khai

Hà lai Phụng trích lục số
 181 ngày 4-7-1964
 Viên chức hộ lại

Người chứng
 Phạm-Tư

Lê-vĩnh-Kiến

Nguyễn-văn-Quốc

Lê - Lầu

3566/ H. B. H. 2

CHÚNG TÁC GIẢ VÀ CÁC CHÉP

XUẤT BẢN VÀO NGÀY 2

Ngày 14/11/1988

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

UY VIÊN: THƯ KÝ

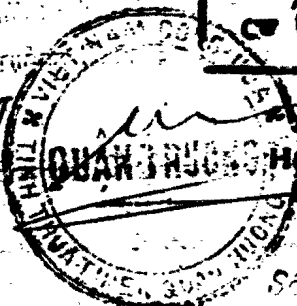


Nguyễn Văn Lợi

KHAI SANH

Tên họ người khai: Lê-thị-ninh-Thuyền
 Giới tính: Nữ
 Ngày khai sinh: Mười chín tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (10.9.1966)
 Nơi khai sinh: Phủ-xuân, Hương-Long, Hương-Trà, Thừa-Thiên
 Cha: Lê-vĩnh-Kiến
 Tuổi: 31 tuổi (ba mươi một tuổi)
 Nghề: Giáo-sư
 Cư trú tại: Phủ-xuân, Hương-Long, Hương-Trà, Thừa-Thiên
 Mẹ: Ngô-thị-ninh-Thu
 Tuổi: 29 tuổi (hai mươi chín tuổi)
 Nghề: Sinh-viên
 Cư trú tại: Phủ-xuân, Hương-Long, Hương-Trà, Thừa-Thiên
 Vợ: Chánh
 Chức danh: Chánh
 Người khai: Lê-Lân
 Tuổi: Năm mươi bảy tuổi (57 tuổi)
 Nghề: Giáo-viên hưu trí
 Cư trú tại: Phủ-xuân, Hương-Long, Hương-Trà, Thừa-Thiên
 Ngày khai sinh: Mười chín tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (19.9.1966)
 Người chứng thứ nhất: Phạm-Tư
 Tuổi: Sáu mươi hai tuổi (62 t)
 Nghề: Làm thuê
 Cư trú tại: Phủ-xuân, Hương-Long, Hương-Trà, Thừa-Thiên
 Người chứng thứ hai: Lê-thị-Hàn
 Tuổi: Sáu mươi hai tuổi (62 t)
 Nghề: Buôn bán
 Cư trú tại: Phủ-xuân, Hương-Long, Hương-Trà, Thừa-Thiên

Lưu tại xã: Hương-Long ngày: 10-9-1966 19
 Người khai: Lê-Lân
 Nhà chứng: Phạm-Tư
Lê-thị-Hàn



Nguyễn Văn Lợi

KHAI SANH

Tên họ đủ nhì Lê-vĩnh-Thạch
 Giới Nam
 Sinh, ngày mười một tháng mười một năm một ngàn
chín trăm sáu mươi bảy (11-11-1967)
 * tại Phủ xuân Hương long Hương trà Thừa thiên
 Cha, Lê-vĩnh-Kiến
 Tên họ Lê
 Tuổi Ba mươi hai tuổi (32t)
 Nghề Giáo sư
 Cư trú tại Phủ xuân Hương long Hương trà Thừa thiên
 Mẹ, Ngô-thị-Minh-Thu
 Tên họ Ngô
 Tuổi Ba mươi tuổi (30t)
 Nghề Nội trợ
 Cư trú tại Phủ xuân Hương long Hương trà Thừa thiên
 Vợ, Chánh thức
 Tên họ Chánh
 Người khai, Lê Lậu
 Tên họ Lê
 Tuổi Năm mươi tám tuổi (58t)
 Nghề Giáo viên hưu trí
 Cư trú tại Phủ xuân Hương long Hương trà Thừa thiên
 Ngày khai, Mười lăm tháng mười một năm một ngàn
chín trăm sáu mươi bảy (15-11-1967)
 Người chứng, ở nhà, Lê văn Giai
 Tên họ Lê
 Tuổi sáu mươi tuổi (60t)
 Nghề Trưởng ấp
 Cư trú tại Phủ xuân Hương long Hương trà Thừa thiên
 Người chứng thứ nh: Nguyễn văn Hy
 Tên họ Nguyễn
 Tuổi Ba mươi tuổi (30t)
 Nghề Thợ mộc
 Cư trú tại Phủ xuân Hương long Hương trà Thừa thiên

Lập tại xã Hương longngày 15 tháng 11 1967

Người khai

Họ họ

Nhất chứng

Lê-LậuTrương-dĩnh-VĩnhLê-văn-GiaiNguyễn-văn-Hy

3165/18.11.67
 UBMT, PH. 11-11-67
 UBMT, PH. 11-11-67
 UBMT, PH. 11-11-67

Nguyễn...
 Lôi

KHAI SANH

Họ và tên khai sinh : Lê-văn-Thông
 Giới tính : Nam
 Sinh : Ngày mười chín tháng mười một
 (Ngày, tháng, năm) Năm một ngàn chín trăm sáu mươi một (1961)
 Tại : Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên
 Cha : Lê-Y
 Họ và tên : Chết
 Tuổi : /
 Nghề nghiệp : /
 Cư-trú tại : /
 Mẹ : Lê-thị-ích-Tri
 (Họ và tên) Hai mươi bốn tuổi (44T)
 Tuổi : Sinh-viên Nữ Hộ-sinh Quốc-Gia
 Nghề nghiệp : Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên
 Cư-trú tại : Chánh
 (chánh họ/thư) Trần-thị-Hiến
 Người khai : Năm mười bốn tuổi (54T)
 (Họ và tên) Nội-tư
 Tuổi : Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên
 Nghề nghiệp : Ngày hai tháng mười hai năm một
 Cư-trú tại : ngàn chín trăm sáu mươi một (1961)
 Ngày khai : Lê-lân
 (Họ và tên) Năm hai mươi tuổi (20T)
 Tuổi : Giáo-viên
 Nghề nghiệp : Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên
 Cư-trú tại : Phạm-Tư
 (Họ và tên) Năm mười bảy tuổi (57T)
 Tuổi : Cộng-Hương-chức
 Nghề nghiệp : An-ninh-hạ Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên
 Cư-trú tại : Trần-thị-Hiến
 (Họ và tên) Ngày 17 tháng 5 năm 1966
 Tuổi : Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên
 Nghề nghiệp : Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên
 Cư-trú tại : Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên

CHUNG HỮU THỰC DAN CHINH

Xuat

Ngày 22 tháng 12 năm 1966

UY VIÊN THỦ KÝ

Ưng Nhân Chủ Ký Hư Chi

Ủy Ban Bình-Định Xã HƯƠNG

HƯNG TRẦN Ngày 17 tháng 5 năm 1966

Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên

Phủ-xuân Hương-long Hương-tôn Thừa-thiên

Lâm tại Hương-long Ngày 03-12-1961

Người khai Trần-thị-Hiến Ngày 2-12-61 Nhà ở

HƯƠNG-LONG Ngày 17 tháng 5 năm 1966

Trần-thị-Hiến Ngày 03-12-1961 I/ Lê-lân

II/ Phạm-Tư



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

T-H

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 201441 CN

Họ và tên chủ hộ : Ngô Thị Minh Châu

Ấp, ngõ, số nhà : 9

Thị trấn, đường phố : Hai Ngạc Khuê

Xã, phường : Hai

Huyện, quận : Tân Bình

Ngày 10 tháng 9 năm 1982
Trưởng công an Tân Bình
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ CÔNG AN QUẬN



Số NK3 :

THIÊN TÀI TRẦN CÔNG AN

- GIẤY CHỨNG-NHẬN HIỆN-DIỆN -

o/o

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
TỔNG THAM MUU
TRƯỞNG VỐ BỊ LIÊN QUAN DALAT
BỘ CHỈ HUY
CAO-DANG HỌC-VU

Số: 092 /TVBLQD/CHV/VP.

Giáo-sư DÔ-THI-LÊ, Phụ-tá Văn-hóa Trường Võ-bị Liên-quân
Dalat ,

Chứng nhận rằng :

Ông LÊ-VĨNH-KIỆM, sanh ngày 2-1-1935 tại Phú-xuân, Hương-trà
THUẢ-THIỆN ;

Giáo-sư Văn-hóa Trường Võ-bị Liên-quân Dalat ;

đã hiện-diện tại Dalat trong khoảng thời-gian từ 19-5-1958 đến
31-5-1958 và đã giảng-day cho Sinh-viên Sĩ-quan TVBLQD trong thời-
gian đó , theo ngày giờ kê sau :

- Thứ Hai	19-5-58	day buổi sáng	từ 10g00 - 11g00
- Thứ Ba	20-5-58	không có giờ	
- Thứ Tư	21-5-58	day buổi sáng	từ 10g00 - 11g00
- Thứ Năm	22-5-58	day buổi sáng	từ 10g00 - 11g00
- Thứ sáu	23-5-58	day buổi chiều	từ 16g30 - 17g30
- Thứ bảy	24-5-58	không có giờ	
- Chủ nhật	25-5-58	Nghỉ cả ngày	
- Thứ Hai	26-5-58	Nghỉ cả ngày	
- Thứ Ba	27-5-58	day buổi chiều	từ 14g30 - 16g30
- Thứ tư	28-5-58	day buổi sáng	từ 09g00 - 11g00
- Thứ năm	29-5-58	không có giờ	
- Thứ sáu	30-5-58	day buổi chiều	từ 14g30 - 17g30
- Thứ bảy	31-5-58	day buổi sáng	từ 08g00 - 11g00

Số: 1034 B3 VBF 85
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH
XUẤT HIỆN TẠI UBND

Ngày 18 tháng 05 năm 1958
UBND. PHUONG



NGUYỄN MINH ĐỨC

KBC.4.027, ngày 19 tháng 6 năm 1958

Giáo-sư DÔ-THI-LÊ,
Phụ-tá Văn-hóa
Trường Võ-bị Liên-quân Dalat,



VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ GIÁO DỤC

Nghị Định số 19-GL-NV/RP/ ngày 03-01-73
hợp thức hóa tình trạng hành chánh của Đ.
Nguyễn Ngọc Phát G3THD10/2 và 1^o gine chức
khác giữ chức vụ Thanh tra, hiệu trưởng
và Chánh sự vụ.

-Chiếu

NGHỊ ĐỊNH

ĐIỀU 1 : Để hợp thức hóa nay cử :

Đ. LÊ VINH KIẾN, G3D2C, thương hạng Hạng 4, hiện xử lý TV
hiệu trưởng trường Trung Học Nguyễn tri Phương Hố, chính
Số: 4634/09/VBF2/85 giữ chức vụ Hiệu Trưởng trường này.

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường ĐIỀU 2 : Kể từ nay, thật sự đảm nhận chức vụ sau ngày
Ngày 18 tháng 05 năm 1985 ký Su vụ lệnh đề cử liên hệ, các đương sự được hưởng
UBND. PHUONG ưu cấp chức vụ an định tại Sắc lệnh số 175-NV ngày 23-5-
1975 và các văn kiện kế tiếp tương chiếu.

ĐIỀU 3 : Thủ Trưởng Phụ Tá đặc biệt đặc trách ngành TTH/
BAG, Tổng lý Văn phòng và Tổng Thư lý Bộ Giáo dục, chiếu
nhiệm vụ thi hành Nghị Định này.

NGUYỄN MINH ĐỨC

PHÓ BAN

Pho. Tổng thư lý
ký tên: PHẠM LINH THẢO

SAYOON ngày 03-01-73
Tổng Trưởng Bộ Giáo dục
ấn ký : NGUYỄN VĂN NÔNG

- Tổng nha công vụ chiếu hội
ngày 2-12-1972
- KSCC ngày 12-12-1972

SAO Y BẮC GIỚI
Chu Su Phong Nhãn Viên
Trung Học
ấn ký: NGUYỄN VĂN NÔNG.

Trưởng Trường TRƯỜNG TRUNG HỌC CHƯƠNG HỒ



November 17, 1988.

To the President of Families of Vietnamese
political prisoners association.

P.O. box 5435, Arlington, VA 22205-0635

U.S.A.

My dear President,

I would like to send you this petition in
hope that your intervention could afford me
and my family a LOI to immigrate to the
U.S.A.

Very respectfully yours,

[Signature]

Lê Vĩnh Kiên

Home Address: 97 NGUYỄN THANH TUYỀN
P2. TÂN BÌNH - HOCHÍ MINH CITY
VIETNAM.

Here attached:

- 2 copies of Registration and intake form.
- 1 copy of certificate of release from re-education camp.
- 1 copy of certificate of marriage (with photos of Lê Kiên and Minh Thu)
- 7 copies of birth certificates of:
Lê Vĩnh Kiên, Ngô Thị Minh Thu, Lê Thị Minh Thủy,
Lê Thị Minh Hằng, Lê Thị Minh Thuận, Lê Vĩnh Thành,
Lê Văn Phong.
- 1 copy of certificate of family members and 7 copies of
their identification cards.
- papers relating my former occupation under the old regime
(4 copies).
- 1 attestation of adopted child.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2
QUẬN TÂN BÌNH

--o--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XIN KHAI VỀ CON NUÔI

Hội ký tên dưới đây là : LÊ-VINH-KIẾN
Sinh ngày : 02.01.1935 tại : Phủ Xuân, Thừa-Thiên.
Nghề nghiệp : Đạy học.
Số Chứng-minh nhân-dân : 0226TH173
Thường-trú tại : 97 Nguyễn-thành-Tuyên, Phường 2, Quận Tân-Bình,
Thành-phố Hồ-Chí-Minh.

XIN KHAI RẰNG :

LÊ-VÂN-PHONG, sinh ngày 19.11.1961 tại Phủ Xuân, Thừa-Thiên. Số CMND : 020900390. Thường-trú tại : 97 Nguyễn-thành-Tuyên, Phường 2, Quận Tân-Bình.

Là cháu gọi tôi bằng cậu ruột, đã được tôi nhận nuôi dưỡng như con từ lúc sơ sinh 19.11.1961 cho đến hiện nay trong gia đình tôi.

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thật. Tôi chịu trách-nhiệm hoàn-toàn trước pháp-luật nếu khai gian dối.

Vậy Xin Cơ quan chính-quyền chứng-nhận để tôi bổ-túc hồ-sơ cho gia đình xin đăng-ký xuất-cảnh (theo hướng-dẫn của Tổ Đăng-ký Xuất-cảnh Công-An Quận Tân-Bình).

Ngày 9 tháng 11 năm 1988
Người khai ký tên,

Người chứng thứ 1 :

Họ tên, tuổi : Bình Cẩm, 68 tuổi
Nghề nghiệp : giáo viên hưu trí
Địa chỉ : 114 Nguyễn-thành-Tuyên
P. Tân Bình T.P. HCM.
Quan hệ với người khai : anh bà con

LÊ-VINH-KIẾN

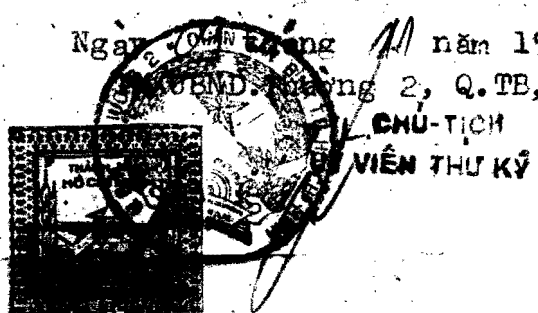
CHỖ NHẬN UBND PHƯỜNG 2, Q. TÂN BÌNH.

Xác nhận : Lê Vĩnh Kiên, bíu
Cầm và Công Tôn Nữ Đông Mai
thậm thường trú địa phương

Người chứng thứ 2 :

Họ tên, tuổi : Công Tôn Nữ Đông Mai, 77
Nghề nghiệp : giáo viên
Địa chỉ : 97 Nguyễn-thành-Tuyên
P. Tân Bình T.P. HCM.
Quan hệ với người khai : nhạc mẫu

Ngày 09 tháng 11 năm 1988



Nguyễn Văn Lợi

ĐƠN KHI RA ĐỜI

Tên: Trần Văn Hùng
Theo dõi: Trần Văn Hùng
Tư nhân: Trần Văn Hùng
Tư nhân: Trần Văn Hùng

Ngày sinh: 19.11.1961 tại Thị trấn Tân Bình
Số chứng minh nhân dân: 30.000.000 cấp tại Thị trấn Tân Bình

Hiện cư trú: Thị trấn Tân Bình
Số hộ khẩu: 30.000.000

Hiện cư trú: Thị trấn Tân Bình
Số hộ khẩu: 30.000.000
Hiện cư trú: Thị trấn Tân Bình
Số hộ khẩu: 30.000.000

Ngày: 19.11.1961
Người khai: Trần Văn Hùng

Người khai: Trần Văn Hùng
Họ tên: Trần Văn Hùng
Số chứng minh nhân dân: 30.000.000
Số hộ khẩu: 30.000.000

ĐƠN KHI RA ĐỜI

ĐƠN KHI RA ĐỜI
TÊN: Trần Văn Hùng
TÊN: Trần Văn Hùng
TÊN: Trần Văn Hùng

Ngày: 19.11.1961
Người khai: Trần Văn Hùng

Người khai: Trần Văn Hùng
Họ tên: Trần Văn Hùng
Số chứng minh nhân dân: 30.000.000
Số hộ khẩu: 30.000.000

ĐƠN KHI RA ĐỜI

ĐƠN KHI RA ĐỜI

- 1- NS Đào hửn Phan 4 NS Sơn Hải Nguyễn 7 NS Nguyễn Văn Nhữ
2- " Phan đồ Thành 5 " Hoàng xuân Đào 8 " Nguyễn Văn Thọ
3 " Nguyễn hửn Lương 6 " Nguyễn Thiên Đồ 9 " Nguyễn Khoa Phước

BỘ THƯƠNG-NHỊ-VIÊN VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

Số:

9-F-TNV

NGÂN-SÁCH Quốc gia

Ngạch, trật (1)

Chỉ số lương

Tình-trạng gia-đình

11 V.C.N.S.

GIẤY LÔ-TRÌNH

a) Cơ-quan cấp giấy lô trình có trách-nhiệm phải ghi đầy đủ và thật đúng vào hai khoảng (1) và (2) ở trong 2.

b) Không một giấy lô trình nào lập ra nếu không có một sự-vụ-lệnh phát khởi và chỉ định nhiệm-vụ của nhân-viên được cử đi công-văn T.T. số 178-BN V/VP/KT/M ngày 12-5-1955 của Bộ Hội-Vụ.

c) Giấy lô trình chỉ dùng cho một lượt đi và về. Muốn dùng cho lần công-văn sau phải được cơ-quan cấp giấy này trên nhận trước.

d) Phải lấy giấy kiểm-nhận mọi chuyển dịch tại cơ.

CƠ-QUAN HÀNH-CHÁNH ĐỊA-PHƯƠNG

Tất cả các kiểm nhận không hợp-lệ, nhân-viên đi công-văn sẽ bị khước từ trả phụ cấp vắng phần.

e) Trong vòng 2 tháng sau cuộc công-cán, nhân-viên đi công-cán phải nộp cho Sở-minh giấy lô trình và sự-vụ-lệnh để được thanh toán hoàn-phụ-cấp vắng phần.

Ông 10 Lê Vĩnh Kiên

được cử đi công-cán theo sự-vụ-lệnh số (b) 29

chức-vụ Nghề sĩ

ngày 15.3.75

của THƯƠNG-NHỊ-VIÊN sẽ khởi-hành từ Saigon

ngày 17.3.1975 để tới An Giang - Saigon

Duyệt cơ cuộc công-cán dự lễ phát-bày cử nhân Viên

Thời-gian ước-chiêng 3 ngày

/ Đại học Khoa học

Phương-tiện chuyên chở xe đạp bộ

(2) được

Chánh-Phủ cùng cấp.

Được mang theo ... là lô hành-lý.



tháng 3 năm 1975

TRẦN-VĂN-LÂM

BẢNG CHIẾT-TÍNH PHỤ-CẤP VẮNG-PHÂN ĐƯỢC ỨNG TRƯỚC

Yêu cầu Ông ... ứng trước cho Ông ...

số tiền là ... và giữ lại biên lai dưới đây có chữ ký nhận tiền của đương-sự để chứng-minh sự xuất-quỹ.

Ký nhận số tiền ghi trên ... , ngày ... tháng ... năm 19 ...

... , ngày ... 19 ... (Chuẩn-chi-viên)

BIÊN LAI

(Nhân-viên Ngân-kho ứng tiền giữ lại làm bằng)

Mảnh lưu-chiếu Giấy lô-trình số ... ngày ... của ... cấp cho ... để đi từ ... đến ... theo sự-vụ-lệnh số ...

Bảng chiết tính } Phụ-cấp hằng ngày
phụ-cấp } Phụ-cấp đi-trú

Tổng cộng.....

Số ngày	Số tiền	Giá biểu

Yêu cầu Ông ... ứng trước cho Ông ... nhận-viên ... số tiền là ...

Ký nhận số tiền ghi trên ... , ngày ... tháng ... năm 19 ...

... , ngày ... 19 ... (Chuẩn-chi-viên)

KIỂM NHẬN CỦA CÁC CƠ-QUAN HÀNH-CHÁNH ĐỊA-PHƯƠNG

XIN CHÚ-Ý.— 1o) Các cơ-quan hành-chánh phải kiểm nhận đúng đắn sự hiện diện của người « mang lộ trình-thor tại địa-phận mình và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi đặt « chữ ký vào lộ-trình-thor hay sự-vụ-lệnh » (Thông tư số 178 / BNV / VP / KT / M « ngày 12-5-1955 của Bộ Nội-Vụ.)

2o) Tên họ nhân viên hữu trách phải ghi rõ dưới chữ ký.

3o) Ngày và giờ di-chuyển phải viết bằng chữ cho rõ.

Chứng nhận khởi hành

từ Saigon, ngày mười bảy
tháng Tháng năm 1955
giờ ...

Chứng nhận khởi hành
từ ..., ngày ...
tháng ...
giờ ...

Chứng nhận đến

tại ..., ngày ...
tháng ... năm ...
hồi ... giờ ...
và đương-sự ... được cung cấp
bữa ăn và chỗ ở.

Chứng nhận đến

tại ..., ngày ...
tháng ... năm ...
hồi ... giờ ...
và đương-sự ... được cung cấp
bữa ăn và chỗ ở.

Chứng nhận khởi hành

từ ..., ngày ...
tháng ... năm ...
hồi ... giờ ...

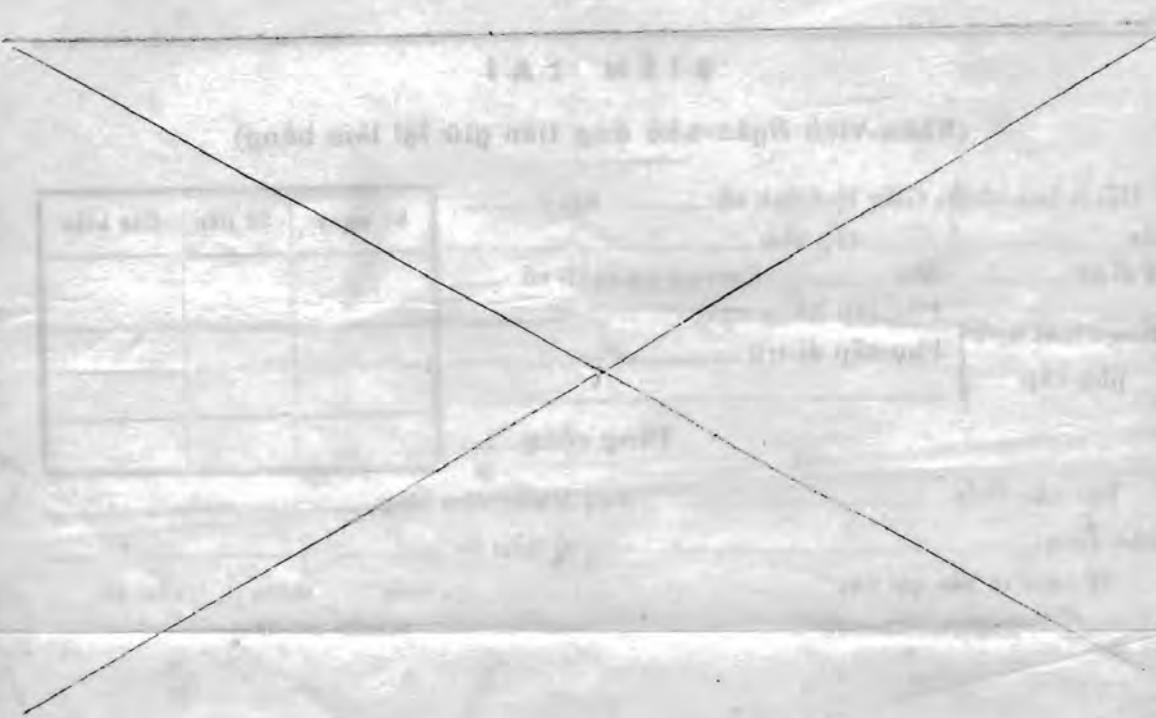
Chứng nhận đến

tại ..., ngày ...
tháng ... năm ...
hồi ... giờ ...
và đương-sự ... được cung cấp
bữa ăn và chỗ ở.

CHỨNG THỰC CỦA SỞ-QUAN

Chứng thực thời gian công cán rất thích hợp với nhu cầu công-vụ.

..., ngày ... tháng ... năm 19 ...



FR: KINH LE

1440 SAN JOSE, CA 95



To:
PRESIDENT OF FAMILIES
OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

DEC 05 1988

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form 'D'
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter

5/8/89 forum